

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê , thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 557/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 595/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị B; ĐKKHKT: Số 18/65 C (nay là số 14/207 L), phường L, quận L, thành phố H; nơi ở hiện nay: Thôn 9, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Quang H; nơi cư trú: Số 18/65 C (nay là số 14/207 L), phường L, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị B trình bày:

Chị và anh Trịnh Quang H về chung sống với nhau từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đã tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường L, quận L, thành phố H. Sau một thời gian dài vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H rượu chè, cờ bạc làm cho kinh tế gia đình khó khăn, hai bên thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Đến năm 2018, vợ chồng sống ly thân, chị B cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ (tại huyện T, thành phố H) sinh sống. Đến nay, qua nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị B xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Quang H.

Về con chung: Chị Vũ Thị B trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Quang V, sinh ngày 11/6/2015 và hiện tại chị B đang nuôi dưỡng con chung. Trường hợp ly hôn chị B đề nghị Tòa án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị B không yêu cầu anh H có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh H nhiều lần có tình vắng mặt, không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải của Tòa án. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2021 bị đơn là anh Trịnh Quang H có quan điểm trình bày:

Anh và chị B có điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị B đã khai nhận là chính xác. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H phát hiện chị B nợ nần, nhiều chủ nợ đến nhà đòi tiền nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát. Từ 2020 chị B cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Đến nay, chị B có đơn đề nghị ly hôn, anh H xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên anh H chấp nhận yêu cầu của chị B và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 01 con chung như chị B đã nêu và cũng có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trịnh Quang V, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh H không yêu cầu chị B có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai của mình.

Tại phiên tòa anh Trịnh Quang H đều vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Trịnh Quang H cũng đã có quan điểm khai nhận về nội dung khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trịnh Quang H; nơi cư trú: Số 18/65 C (nay là số 14/207 L), phường L, quận L, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Vũ Thị B có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Trịnh Quang H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh H, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về hôn nhân:

[4] Xét chị Vũ Thị B và anh Trịnh Quang H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L,

quận L, thành phố H vào ngày 17/8/2004. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình cảm vợ chồng, chị B và anh H cùng có quan điểm thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng căn cứ kết quả xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, gia đình anh H đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân và tôn trọng với quyết định của chị B, anh H. Trong bản tự khai chị B, anh H cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do lối sống sinh hoạt, kinh tế, tình cảm vợ chồng. Mặc dù cũng đã nhiều lần vợ chồng và hai bên gia đình khuyên giải, nhưng đến nay cả hai anh chị cùng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi, ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị B và anh H giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

[6] Về phía anh H, Tòa án đã thông tin liên lạc, tổng đạt trực tiếp các thông báo đến nơi cư trú của anh H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện thái độ không tôn trọng, chấp hành pháp luật của anh H, cũng đồng thời làm rõ việc mâu thuẫn giữa chị B và anh H là có thật (mặc dù đã có tác động hòa giải của hai bên gia đình). Từ đó cho thấy lời khai của chị B, anh H trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở.

Do đó từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị B và anh Trịnh Quang H là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung:

[7] Chị B, anh H đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là là Trịnh Quang V, sinh ngày 11/6/2015 và hiện tại chị B đang nuôi dưỡng con chung. Ly hôn, chị B đề nghị giao con chung cho chị B nuôi dưỡng. Anh H cũng có nguyện vọng đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trưởng thành, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, căn cứ vào công việc, thu nhập của chị B, anh H đều không ổn định (nghề lao động tự do) nhưng chị B có nhiều thời gian dành cho việc chăm sóc con hơn anh H, nên xét cần giao chị B nuôi dưỡng cháu Trịnh Quang V. Điều này là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B, anh H đều có quan điểm không yêu cầu người không nuôi dưỡng con chung có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không được cản trở thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung:

[9] Chị B, anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[10] Chị Vũ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Trịnh Quang H.

- Về con chung: Giao con chung Trịnh Quang V, sinh ngày 11/6/2015 cho chị Vũ Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị B không yêu cầu anh H có trách nhiệm đóng góp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Vũ Thị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị B đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014414 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị B và anh Trịnh Quang H đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. L, q. Lê Chân, tp. Hải Phòng
(ĐKKH số 85 ngày 17/8/2004);
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng